

Bản án số: 45/2019/HNGĐ-ST

Ngày 15-11-2019

*Về việc không công nhận vợ chồng giữa
chị Đặng Thị N và anh Lê Chí B*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Phong;

Ông Nguyễn Văn Tấn.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Minh Tuấn - Thư ký Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thị Bích Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 260/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2019 về việc: “Không công nhận là vợ chồng; tranh chấp về nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14-10-2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đặng Thị N, sinh năm 2001.

Trú quán: Thôn 1, xã ĐS, huyện VY, tỉnh Yên Bái; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Lê Chí B, sinh năm 1997;

Trú quán: Tổ dân phố số 2, thị trấn A, huyện VY, tỉnh Yên Bái; có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 27-8-2019 và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Đặng Thị N trình bày:

Chị và anh Lê Chí B được tự do yêu đương, tìm hiểu trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, được gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương vào ngày 19 tháng 6 năm 2018, tuy nhiên không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau ngày cưới anh, chị về sinh sống cùng gia đình nhà chồng tại tổ dân phố số 2, thị trấn A, huyện VY. Chị và anh B chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 5 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp, vợ chồng thường xảy ra xô xát cãi cọ.

Mẫu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng. Vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi từ tháng 5 năm 2019 đến nay, không ai còn quan tâm đến ai nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với anh Lê Chí B.

Về con chung: Chị và anh Lê Chí B có một con chung là cháu Đặng Đức D, sinh ngày 05-02-2019. Tòa án giải quyết không công nhận là vợ chồng chị có nguyện vọng để anh B trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 10 tháng 10 năm 2019, anh Lê Chí B trình bày: Anh và chị Đặng Thị N tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 6 năm 2018. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 5 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp. Chị N thường bỏ nhà đi. Đến nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn. Chị N đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận là vợ chồng anh nhất trí và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh chị có một con chung Đặng Đức D, sinh ngày 05-02-2019. Tòa án giải quyết không công nhận là vợ chồng anh nhất trí với nguyện vọng của chị N anh là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 5, khoản 7 Điều 3, Điều 14, Điều 15, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Đề nghị Hội đồng xét xử: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Đặng Thị N và anh Lê Chí B; Về con chung: Giao cháu Đặng Đức D, sinh ngày 05-02-2019 cho anh B nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét; Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Đặng Thị N có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái giải quyết việc hôn nhân của chị và anh Lê Chí B. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Anh Lê Chí B có đơn đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt anh Lê Chí B.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh B về chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 6 năm 2018 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và được hai bên gia đình công nhận nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn. Tại địa phương nơi chị N và anh B sinh sống đều xác nhận anh chị chưa đăng ký kết hôn lần nào với ai (bút lục 44 và 54). Tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng”*. Chị N và anh B chung sống cùng nhau như vợ chồng từ năm 2018 đến nay không đăng ký kết hôn, mặc dù có đủ điều kiện kết hôn, xong các bên không thực hiện nghĩa vụ kết hôn mà vẫn chung sống cùng nhau là hôn nhân bất hợp pháp, không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Từ những phân tích trên thấy yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với anh B của chị N là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N, xử không công nhận chị Đặng Thị N và anh Lê Chí B là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị Đặng Thị N và anh Lê Chí B có 01 con chung là Đặng Đức D, sinh ngày 05-02-2019. Hiện cháu D đang ở với anh B. Chị N và anh B thống nhất thỏa thuận để anh B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu D, chị N không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, thỏa thuận của chị N và anh B là phù hợp với quy định tại Điều 15 và các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của chị N và anh B. Giao cháu Đặng Đức D cho anh B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu D. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm nom con chung.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử được chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị Đặng Thị N là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 147, 228, 235, 266; 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 14, Điều 15; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Đặng Thị N và anh Lê Chí B là vợ chồng.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị Đặng Thị N và anh Lê Chí B, giao cháu Đặng Đức D, sinh ngày 05-02-2019 cho anh Lê Chí B được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi. Chị Đặng Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về án phí: Chị Đặng Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai số AA/2017/0001501 ngày 27-8-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Xác nhận chị N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Lê Chí B không phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Đặng Thị N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lê Chí B vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- Viện kiểm sát ND huyện Văn Yên;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Văn Yên;
- Các đương sự;
- Lưu HS, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Hương